

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2020/DS-PT

Ngày: 28-9-2020

V/v: tranh chấp “Hợp đồng góp hụi  
và đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Tố Hương.

*Các Thẩm phán:*

Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nghi, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLPT-DS, ngày 13 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng góp hụi và đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST, ngày 12-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 118/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

2.2. Ông Võ Văn E, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14-11-2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày: Bà Nguyễn Thị Ánh L làm chủ dây hụi 300.000 đồng, dây hụi mở ngày 10-02-2018 âm lịch, có 57 phần hụi, mỗi tháng khai 03 lần vào các ngày 05, ngày 10 và ngày 25 âm lịch hàng

tháng. Bà Trần Thị M là hội viên có tham gia 01 phần, bà M đã đóng được 56 lần còn lại 01 lần thì bà L tuyên bố vỡ hội. Tổng số tiền hội bà M đã đóng là 16.800.000 đồng. Ngày 12-9-2019 bà L có mượn thêm số tiền là 7.000.000 đồng. Tổng cộng bà L còn thiếu số tiền là 23.800.000 đồng, bà M yêu cầu buộc bà L, ông E trả cho bà số tiền hội và tiền vay còn thiếu là 23.800.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị M thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E hoàn trả cho bà số tiền hội và tiền vay là 18.000.000 đồng và trả một lần trong thời gian ngắn, vì bà L đã xin giảm bớt.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2020 bà Nguyễn Thị Ánh L trình bày:* Bà có nợ tiền hội bà M là 16.800.000 đồng và tiền mượn là 7.000.000 đồng, số tiền này ông E biết và là nợ chung của vợ chồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin bà M bớt một số tiền hội là lãi theo thỏa thuận, xin trả tiền nợ hội gốc là 11.000.000 đồng, tiền mượn là 7.000.000 đồng và xin trả dần.

- *Đối với bị đơn ông Võ Văn E:* Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông E, nhưng ông E không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST, ngày 12-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M: Buộc bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Kể từ ngày bà Trần Thị M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E phải liên đới nộp là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

- Bà Trần Thị M không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Trần Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 595.000 đồng (năm trăm chín mươi năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001137 ngày 17-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 07-7-2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm với các lý do: tại tờ tường trình ngày 11-5-2020 bà có trình bày là ông Võ Văn E không biết việc bà gây ra nợ, ông E xuất cảnh đi nước ngoài trước khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, nhưng không được Tòa án xác minh việc ông Võ Văn E xuất cảnh đi nước ngoài để làm gì, đi từ khi nào, nên bản án buộc ông E cùng bà liên đới trả nợ cho nguyên đơn là không có căn cứ hợp pháp; Bà không còn giữ giấy tờ, tài liệu theo dõi việc chơi hụi, nhưng bản án sơ thẩm cho rằng bà thừa nhận nợ là không đúng.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của bị đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2020/DS-ST, ngày 12-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Võ Văn E vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L là người kháng cáo có đơn xin vắng mặt. Nhận thấy ông E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L là người kháng cáo có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh L làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Vào ngày 19-8-2020 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng có Công văn số 927/2020/CV-TA về việc yêu cầu Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp thông tin việc ông Võ Văn E, sinh năm 1973; Quốc tịch Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 365692568 được cấp tại Sóc Trăng; Cư trú: số D1/140 ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, có đi nước ngoài hay không? Nếu có xuất cảnh ra khỏi nước Việt Nam để đi đâu? Xuất cảnh bao nhiêu lần? Xuất cảnh thời gian bao lâu? Lý do xuất cảnh, v.v...

[2.2] Vào ngày 28-8-2020 Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an có Công văn số 2736/QLXNC-P5 trả lời Công văn số 927/2020/CV-TA ngày 19-8-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng có nội dung như sau: ông Võ Văn E, sinh năm 1973; Chứng minh nhân dân số 365692568, thường trú tại: số D1/140 ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh.

[2.3] Căn cứ nội dung Công văn số 2736/QLXNC-P5 ngày 28-8-2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an như đã nêu trên, có cơ sở xác định ông Võ Văn E không xuất cảnh đi nước ngoài trước khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng góp hội và đòi lại tài sản giữa nguyên đơn là bà Trần Thị M với các bị đơn gồm bà Nguyễn Thị Ánh L với ông Võ Văn E là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.4] Nhận thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2020 bà Nguyễn Thị Ánh L trình bày: Tôi có nợ tiền hội bà M là 16.800.000 đồng và tiền mượn là 7.000.000 đồng, số tiền này ông E biết và là nợ chung của vợ chồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin bà M bớt một số tiền hội là lãi theo thỏa thuận, xin trả tiền nợ hội gốc là 11.000.000 đồng, tiền mượn là 7.000.000 đồng và xin trả dần (bút lục số 08).

[2.5] Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2020 của bà Nguyễn Thị Ánh L và căn cứ vào Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân gia đình, nhận thấy bản án sơ thẩm buộc ông E cùng bà L có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền hội và tiền mượn tổng cộng là 18.000.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Với những phân tích nêu tại các mục [2.1], [2.2], [2.3], [2.4], [2.5], Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh L là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Ánh L phải chịu án dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

#### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST, ngày 12-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.**

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị M số tiền nợ hui và nợ vay tổng cộng là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

#### **2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Buộc bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E phải liên đới nộp là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

- Bà Trần Thị M không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Trần Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 595.000 đồng (năm trăm chín mươi năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001137 ngày 17-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

**3. Án phí dân sự phúc thẩm:** Bà Nguyễn Thị Ánh L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006042 ngày 21-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Trương Tố Hương**